| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **12/**2023/DSST
Ngày 22-3-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Tạ Thị Hạ;
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trần Minh Châu;
2. Bà Hoàng Thị Thanh Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, thư ký Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Võ Công Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXX ngày 03 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số nhà 813, ấp PL 1, xã Ph, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm 1962; vắng mặt.
Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1958; vắng mặt.
Cùng nơi cư trú: Tổ 17, ấp PT 2, xã Ph, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

## NHẬN THẤY:

*Bà Võ Thị T trình bày:*

Bà có tham gia các dây hụi do bà V, ông S làm chủ thảo, hiện bà V, ông S đã tuyên bố bể hụi, không trả lại tiền hụi cho tôi. Bà V, ông S nợ tiền hụi của bà các dây hụi sau:

Dây 1: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 09-3-2019 âm lịch gồm 25 phần, bà tham gia 01 phần, đóng hụi sống 12 kỳ, 1.600.000 đồng/kỳ/01 phần, thành tiền 19.200.000 đồng.

Dây 2: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 06-6-2019 âm lịch gồm có 28 phần, bà tham gia 05 phần, đã đóng hụi sống 09 kỳ, 1.600.000 đồng/kỳ/01 phần, thành tiền 72.000.000 đồng.

Dây 3, 4, 5, 6, 7, 8: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 06-6-2019 âm lịch, hụi 22 phần, bà tham gia 06 dây, mỗi dây 05 phần, bà đã đóng hụi sống 09 kỳ, 650.000 đồng/kỳ/01 phần, thành tiền 175.500.000 đồng.

Dây 9, 10, 11: Hụi 500.000 đồng/tháng, hụi khui ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng. Hụi mở ngày 30-3-2019. Bà tham gia 03 dây, mỗi dây 28 phần, bà tham gia mỗi dây tham gia 05 phần hụi. Bà đã đóng hụi sống 21 kỳ, 350.000 đồng/kỳ/01 phần, thành tiền 110.250.000 đồng.

Dây 12, 13, 14: Hụi 500.000 đồng/tháng, một tháng khui 02 lần. Hụi khui ngày 20-10-2019 âm lịch, tham gia 03 dây, mỗi dây 34 phần, bà tham gia 05 phần mỗi dây, bà đã đóng hụi sống 08 kỳ, 350.000 đồng/kỳ/01 phần; thành tiền 8.400.000 đồng.

Dây 15, 16, 17: Hụi 500.000 đồng/tháng, khui vào các ngày 10 và 25 hàng tháng âm lịch, hụi mở ngày 10-12-2019 âm lịch. Bà tham gia 03 dây, mỗi dây 28 phần, bà tham gia mỗi dây 05 phần, đóng hụi sống được 04 kỳ, 350.000 đồng/kỳ/01 phần, thành tiền 21.000.000 đồng.

Dây hụi 18, 19: Hụi 500.000 đồng/ tháng, khui ngày 15-01-2020 âm lịch, tham gia 02 dây, mỗi dây 24 phần, bà tham gia mỗi dây 05 phần, đóng hụi sống được 01 kỳ, 640.000 đồng/kỳ/01 phần, thành tiền 6.400.000 đồng

Dây hụi 20, 21: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 25-11-2019 âm lịch, tham gia 02 dây, mỗi dây 21 phần, bà tham gia mỗi dây 05 phần, đóng hụi sống được 03 kỳ, 640.000 đồng/kỳ/01 phần, thành tiền 19.200.000 đồng.

Dây hụi 22, 23, 24, 25: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 15-01-2020 âm lịch, tham gia 03 dây, mỗi dây 25 phần, bà tham gia mỗi dây 05 phần, bà đóng hụi sống 01 kỳ, 300.000 đồng/kỳ/01 phần; thành tiền 6.000.000 đồng

Tổng cộng 25 dây hụi, số tiền hụi sống bà đã đóng là 437.950.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà V, ông S có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hụi tổng cộng 437.950.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

*Bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S trình bày:* Vắng mặt, không tham gia tố tụng nên không có lời trình bày.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Bà T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà V, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không có lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét vắng mặt đương sự đúng theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 244, 471 BLDS 2015, Nghị định 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ hụi biêu phường; Điều 147 BL TTDS, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà V, ông S về tranh chấp hợp đồng góp hụi:

Buộc bà V, ông S có trách nhiệm trả cho bà T số tiền hụi là 432.100.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi suất.

Bà T hai lần rút lại một phần yêu cầu của mình với số tiền 49.150.000 đồng; đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền 49.150.000 đồng.

Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện, bà T đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, của người bà V, ông S theo địa chỉ được ghi trong danh sách hụi viên do bà V, ông S giao cho bà T. Tại Công văn số 155/CSĐT ngày 18-4-2022 của Công an Huyện Dương Minh Châu thì hụi do bà V làm chủ thảo đã bị bà V tuyên bố bể hụi vào tháng 02 năm 2020, sau đó bà V, ông S đi khỏi địa phương. Bà V, ông S tuyên bố bể hụi, thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho bà T biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bà V, ông S được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ban đầu bà T khởi kiện tranh chấp 28 dây hụi với số tiền 481.250.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T hai lần rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ tranh chấp 25 dây hụi với số tiền nợ hụi 432.100.000 đồng, rút lại yêu cầu đối với 03 dây hụi với tổng số tiền là 49.150.000 đồng. Việc bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Hụi tranh chấp do bà V là chủ thảo. Tuy nhiên, bà V, ông S có mối quan hệ vợ chồng; hụi kéo dài nhiều năm từ 2018 đến 2020, sau khi bà V tuyên bố bể hụi thì bà V, ông S cùng bỏ đi khỏi địa phương, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ hụi cho hụi viên. Do đó, lời khai của bà T về việc tiền hụi bà V, ông S cùng chi phí trong gia đình nên có nghĩa vụ cùng trả nợ cho bà là có căn cứ.

[3] Bà T khởi kiện yêu cầu bà V, ông S có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hụi tổng cộng 432.100.000 đồng, chứng cứ là 25 danh sách hụi viên của các dây hụi do bà V cung cấp, có bà V ký tên; bảng tính tiền hụi đóng từng tháng do bà V tự tính toán và giao cho bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết chứng cứ đồng thời cùng các văn bản tố tụng khác cho bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S nhưng ông S, bà V đều vắng mặt không lý do, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chứng minh nên bà V, ông S phải chịu hậu quả của việc không đưa ra chứng cứ chứng minh đó theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại chứng cứ là các danh sách hụi viên, bảng tính tiền hụi bà T tham gia hụi do bà V làm chủ thảo, xác định được số tiền hụi bà T đã giao cho bà V cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 09-3-2019 âm lịch gồm 25 phần, bà T tham gia 01 phần. Bà T đã đóng hụi 12 kỳ, mỗi kỳ 1.600.000 đồng, thành tiền 19.200.000 đồng.

Dây 2: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 06-6-2019 âm lịch gồm có 28 phần, bà tham gia 05 phần. Bà T đã đóng hụi 09 kỳ, mỗi kỳ 1.600.000 đồng, thành tiền 72.000.000 đồng.

Dây 3, 4, 5, 6, 7: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 06-6-2019 âm lịch, hụi 22 phần, bà tham gia 05 dây, mỗi dây 05 phần. Bà T đã đóng hụi 09 kỳ, mỗi kỳ 650.000 đồng, thành tiền 146.250.000 đồng.

Dây 8: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 06-6-2019 âm lịch, hụi 22 phần, bà tham gia 01 phần. Bà T đã đóng hụi 09 kỳ, mỗi kỳ 650.000 đồng, thành tiền 23.400.000 đồng.

Dây 9, 10, 11: Hụi 500.000 đồng/tháng, hụi khui ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng. Hụi mở ngày 30-3-2019. Bà T tham gia 03 dây, mỗi dây 28 phần, mỗi dây tham gia 05 phần hụi. Bà T đã đóng hụi 21 kỳ, mỗi kỳ 350.000 đồng, thành tiền là 110.250.000 đồng.

Dây 12, 13, 14: Hụi 500.000 đồng/tháng, một tháng khui 02 lần. Hụi khui ngày 20-10-2019 âm lịch, tham gia 03 dây, mỗi dây 34 phần, bà tham gia 05 phần mỗi dây. Bà T đã đóng hụi 08 kỳ, mỗi kỳ 350.000 đồng, thành tiền 8.400.000 đồng.

Dây 15, 16, 17: Hụi 500.000 đồng/tháng, khui vào các ngày 10 và 25 hàng tháng âm lịch, hụi mở ngày 10-12-2019 âm lịch. Bà tham gia 03 dây, mỗi dây 28 phần, bà tham gia mỗi dây 05 phần, đã đóng hụi được 04 kỳ, mỗi kỳ 350.000 đồng, thành tiền 21.000.000 đồng.

Dây hụi 18, 19: Hụi 500.000 đồng/ tháng, khui ngày 15-01-2020 âm lịch, tham gia 02 dây, mỗi dây 24 phần, bà tham gia mỗi dây 05 phần, đã đóng hụi được 01 kỳ, mỗi kỳ 640.000 đồng, thành tiền 6.400.000 đồng.

Dây hụi 20, 21: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 25-11-2019 âm lịch, tham gia 02 dây, mỗi dây 21 phần, bà tham gia mỗi dây 05 phần, đóng hụi được 03 kỳ, mỗi kỳ 640.000 đồng, thành tiền 19.200.000 đồng.

Dây hụi 22, 23, 24, 25: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 15-01-2020 âm lịch, tham gia 03 dây, mỗi dây 25 phần, bà tham gia mỗi dây 05 phần, bà đóng hụi 01 kỳ, với số tiền 300.000 đồng/01 phần, thành tiền 6.000.000 đồng

Như vậy tổng cộng 25 dây hụi, số tiền hụi bà T đã đóng cho bà V là 432.100.000 đồng.

Từ những phân tích trên, yêu cầu của bà T về việc buộc bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S trả cho bà tiền nợ hụi tổng cộng 432.100.000 đồng là có căn cứ; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu là phù hợp.

[4] Ghi nhận bà Tuyết không yêu cầu tính lãi.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016:

Bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà Võ Thị T được chấp nhận: 20.000.000 đồng + ((4% x (432.100.000 đồng - 400.000.000 đồng)) = 21.284.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 147; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S đối với số tiền nợ hụi 432.100.000 đồng.

Ghi nhận bà Võ Thị T không yêu cầu tính lãi.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S đối với số tiền nợ hụi 49.150.000 đồng.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị T số tiền là 432.100.000 *(Bốn trăm ba mươi hai triệu một trăm nghìn)* đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Văn S phải chịu 21.284.000 *(Hai mươi mốt triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn)* đồng.

2.2. Bà Võ Thị T không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu hoàn trả cho bà Võ Thị T số tiền tạm ứng án phí 11.631.000 *(Mười một triệu sáu trăm ba mươi mốt nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012621 ngày 04 tháng 10 năm 2022.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. "Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- CC THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**TẠ THỊ HẠ**